**MỤC LỤC**

Contents

[CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1](#_Toc92222546)

[1.1. Tổng quan phân tích tài chính doanh nghiệp 1](#_Toc92222547)

[1.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 1](#_Toc92222548)

[1.1.2. Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp 1](#_Toc92222549)

[1.2. Thông tin sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp 2](#_Toc92222550)

[1.3. Các phương pháp sử dụng trong phân tích tài chính 3](#_Toc92222551)

[1.1.1. Phương pháp so sánh 3](#_Toc92222552)

[1.3.1. Phương pháp cân đối 4](#_Toc92222553)

[1.3.2. Phương pháp phân tích tỉ số 4](#_Toc92222554)

[CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIẾN THÀNH 6](#_Toc92222555)

[2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiến Thành 6](#_Toc92222556)

[2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển 6](#_Toc92222557)

[2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lí, tình hình lao động và chế độ kế toán 6](#_Toc92222558)

[2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh Đô 7](#_Toc92222559)

[2.1.4. Qui trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh Đô 7](#_Toc92222560)

[2.2. Thực trạng tình hình tài chính tại công ty 7](#_Toc92222561)

[2.2.1. Tình hình tài sản – nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2009-2011 7](#_Toc92222562)

[2.2.2. Phân tích chỉ tiêu khả năng thanh toán 9](#_Toc92222563)

[2.2.3. Phân tích chỉ tiêu khả năng quản lí tài sản 9](#_Toc92222564)

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

## Tổng quan phân tích tài chính doanh nghiệp

### Khái niệm tài chính doanh nghiệp

Tài chính là một bộ phận cấu thành trong các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, có mối liên hệ hoạt động kinh tế khác. Mối quan hệ tác động qua lại này phản ánh và thể hiện sự tác động gắn bó thường xuyên giữa phân phối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

Toàn bộ các quan hệ kinh tế được biểu hiện bằng tiền phát sinh trong doanh nghiệp thể hiện nội dung của tài chính doanh nghiệp, bao gồm các quan hệ tài chính sau:

* Quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp. Đó là các khía cạnh tài chính liên quan đến vấn đề doanh nghiệp.
* Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với nhà nước. Quan hệ này biểu hiện trong quá trình nhà nước cấp vốn kinh doanh cho các doanh nghiệp nhà nước hoặc tham gia với tư cách người góp vốn.
* Quan hệ giữa huy động các nguồn vốn dài hạn và ngắn hạn cho nhu cầu kinh doanh.
* Quan hệ giữa các quan hệ để thực hiện tiêu thụ sản phẩm ở thị trường đầu ra (Với các đại lý, các cơ quan xuất nhập khẩu, thương mại...), quan hệ với các đối thủ cạnh tranh.

Tóm lại, tài chính doanh nghiệp là hệ thống các doanh nghiệp và các nhu cầu chung của xã hội.

### Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp

1. Chức năng của tài chính doanh nghiệp

* Chức năng huy động nguồn vốn: Khi thành lập doanh nghiệp phải có một lượng vốn đầu tư tối thiểu, số vốn này có thể là do ngân sách nhà nước cấp (đối với doanh nghiệp nhà nước) hoặc do các cổ đông đóng góp vốn hay hùn vốn dưới hình thức cổ phần (đối với các Công ty cổ phần, Công ty TNHH).
* Chức năng phân phối: Sau khi huy động và sử dụng nguồn vốn để tạo ra kết quả là việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, doanh nghiệp phải tiến hành phân phối kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Sau mỗi kì kinh doanh số tiền thu được bao gồm cả giá vốn và chi phí phát sinh.

1. Vai trò của tài chính

Sự phát triển hay suy thoái của sản xuất kinh doanh gắn liền với sự mở rộng hay thu hẹp nguồn lực tài chính. Vai trò của tài chính doanh nghiệp sẽ trở nên tích cực hay thụ động thậm chí có thể là tiêu cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trước hết phụ thuộc vào khả năng và trình độ của người quản lí, sau đó là phụ thuộc vào môi trường kinh doanh và cơ chế quản lí kinh tế vĩ mô của nhà nước. Đi vào chi tiết, tài chính doanh nghiệp có những vai trò như sau:

* Tài chính doanh nghiệp là một công cụ khai thác, thu hút các nguồn tài chính nhằm đảm bảo nhu cầu vốn cho đầu tư kinh doanh.
* Tài chính doanh nghiệp có vai trò trong việc sử dụng vốn một cách tiết kiệm và hiệu quả.

## Thông tin sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp

Phân tích tài chính có mục tiêu đưa ra những dự báo tài chính giúp cho việc ra quyết định về mặt tài chính và giúp cho việc dự kiến kết quả tương lai của doanh nghiệp nên thông tin sử dụng để phân tích tài chính không chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu các báo cáo tài chính mà phải mở rộng sang các lĩnh vực: các thông tin chung về kinh tế, thuế, tiền tệ; các thông tin về ngành kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân tích tài chính được thực hiện trên cơ sở các báo cáo tài chính được hình thành thông qua việc xử lý các báo cáo kế toán.

Các báo cáo tài chính gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính mô tả tình trạng tài chính của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định nào đó. Đây là một báo cáo tài chính phản ánh tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định, dưới hình thái tiền tệ theo giá trị tài sản và nguồn hình thành tài sản. Xét về bản chất, bảng cân đối kế toán là một bảng cân đối tổng hợp giữa tài sản với vốn chủ sở hữu và công nợ phải trả (nguồn vốn).

Để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, tài liệu chủ yếu là bảng cân đối kế toán. Qua đó ta có thể nghiên cứu, đánh giá một cách tổng quát tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh, trình độ sử dụng vốn và những triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

1. Báo cáo kết quả kinh doanh

Một loại thông tin kém phần quan trọng được sử dụng trong phân tích tài chính là thông tin phản ánh trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Như vậy, báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh tình hình tài chính của một doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Như vậy, việc phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp ta có những nhận định sâu sắc và đầy đủ hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

## Các phương pháp sử dụng trong phân tích tài chính

Phương pháp phân tích tài chính là một hệ thống bao gồm các công cụ và biện pháp nhằm tiếp cận, nghiên cứu các sự kiện, hiện tượng, các mối quan hệ bên trong và bên ngoài, các luồng dịch chuyển và biến đổi tài chính, các chỉ tiêu tài chính tổng hợp và chi tiết, nhằm đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp.

Về lý thuyết có nhiều phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp, nhưng trên thực tế người ta thường sử dụng các phương pháp sau:

### Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh được sử dụng phổ biến nhất và là phương pháp chủ yếu trong phân tích tài chính để đánh giá kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến đổi của chỉ tiêu phân tích.

Có nhiều phương thức so sánh khác nhau, sử dụng phương thức nào là tuỳ thuộc vào mục đích và yêu cầu của việc phân tích:

* So sánh chỉ tiêu thực tế với các chỉ tiêu kế hoạch, dự kiến hoặc định mức. Đây là phương thức quan trọng nhất để đánh giá mức độ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, định mức và kiểm tra tính có căn cứ của nhiệm vụ kế hoạch được đề ra.
* So sánh chỉ tiêu thực hiện giữa các kỳ trong năm và giữa các năm cho thấy sự biến đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
* So sánh các chỉ tiêu của doanh nghiệp với các chỉ tiêu tương ứng của doanh nghiệp cùng loại hoặc của doanh nghiệp cạnh tranh.

Để áp dụng phương pháp so sánh cần phải đảm bảo các điều kiện có thể so sánh được của các chỉ tiêu:

* Các chỉ tiêu số lượng phải thống nhất về mặt chất lượng.
* Các chỉ tiêu chất lượng phải thống nhất về mặt số lượng.
* Các chỉ tiêu tổng hợp, phức tạp phải thống nhất về nội dung, cơ cấu của các chỉ tiêu.
* Khi không so sánh được bằng các chỉ tiêu tuyệt đối thì có thể so sánh bằng các chỉ tiêu tương đối.

Trong phân tích so sánh có thể sử dụng số bình quân, số tuyệt đối và số tương đối. Khi so sánh bằng số bình quân sẽ thấy mức độ đạt được so với bình quân chung của tổng thể, của ngành, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật.

Phân tích bằng số tuyệt đối cho thấy rõ khối lượng, quy mô của hiện tượng kinh tế. Các số tuyệt đối được so sánh phải có cùng một nội dung phản ánh, cách tính toán xác định, phạm vi, kết cấu và đơn vị đo lường. Số tuyệt đối được tính bằng công thức:

y = y1 – y0

Trong đó: y1 là trị số của chỉ tiêu phân tích

y0 là trị số của chỉ tiêu gốc

y là trị số so sánh

So sánh tương đối là tỉ lệ phần trăm của chỉ tiêu trong kì phân tích so với chỉ tiêu gốc, theo công thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| y | = | y1 x y0 | x | 100% |
| y0 |

Tuy nhiên số tương đối không phản ánh được thực chất bên trong cũng như quy mô của hiện tượng kinh tế. Vì vậy, trong nhiều trường hợp khi so sánh cần kết hợp đồng thời cả số tuyệt đối và số tương đối.

### Phương pháp cân đối

Phương pháp cân đối là phương pháp phân tích và mô tả các hiện tượng kinh tế mà giữa chúng tồn tại mối quan hệ cân bằng hoặc phải tồn tại sự cân bằng. Phương pháp cân đối thường kết hợp với phương pháp so sánh để người phân tích có được đánh giá toàn diện về tình hình tài chính.

Phương pháp cân đối là cơ sở sự cân bằng về lượng giữa tổng số tài sản và tổng số nguồn vốn, giữa nguồn thu, huy dộng và tình hình sử dụng các loại tài sản trong doanh nghiệp. Do đó sự cân bằng về lượng dẫn đến sự cân bằng về sức biến động về lượng giữa các yếu tố và quá trình kinh doanh.

Các báo cáo tài chính thường có đặc trưng chung là thể hiện tính cân đối: cân đối về tài sản và nguồn vốn; cân đối giữa doanh thu, chi phí và kết quả; cân đối giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra; cân đối giữa tăng và giảm;... Cụ thể là các cân đối cơ bản:

Tổng tài sản = Tài sản ngắn hạn + Tài sản dài hạn

Tổng tài sản = Tổng nguồn vốn

Lợi nhuận = Doanh thu - Chi phí

Dòng tiền thuần = Dòng tiền vào - Dòng tiền ra

### Phương pháp phân tích tỉ số

Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính.

Phương pháp phân tích tỉ số giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích có hệ thống hàng loạt tỉ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán hàng loạt câc tỉ lệ như:

* Tỉ số về khả năng thanh toán: được sử dụng để dánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.
* Tỉ số về khả năng cân đối vốn, cơ cấu vốn và nguồn vốn: chỉ tiêu này phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính.

# THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIẾN THÀNH

## Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiến Thành

### Quá trình hình thành và phát triển

Chính sách mở cửa và sự hội nhập sâu rộng đã khiến cho diện mạo nền kinh tế nước ta thay đổi lớn trong những năm gần đây: tốc độ tăng trưởng luôn được giữ ở mức cao và ổn định, tổng sản phẩm quốc nội có xu hướng tăng, vị thế đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới được nâng cao. Sự thay đổi ấy đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp Việt Nam trên mọi lĩnh vực.

### Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lí, tình hình lao động và chế độ kế toán

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược một cách có hiệu quả ngay từ đầu Công ty Cổ phần Kinh Đô đã xác định việc thiết lập một bộ máy tổ chức chặt chẽ là vô cùng cần thiết.

Hình 2.1. Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Kinh Đô

### Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh Đô

Hình 2.2. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm chủ yếu của công ty

### Qui trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh Đô

Hình 2.3. Qui trình hoạt động sản xuất – kinh doanh

(Nguồn: Phòng Kỹ thuật)

## Thực trạng tình hình tài chính tại công ty

### Tình hình tài sản – nguồn vốn của Công ty trong giai đoạn 2009-2011

1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: VNĐ)

| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **CHÊNH LỆCH**  **2009 - 2010** | | **CHÊNH LỆCH**  **2010 - 2011** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tuyệt đối** | **Tỷ lệ (%)** | **Số tuyệt đối** | **Tỷ lệ (%)** |
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 1.234.567.890 | 38,71 | 1.234.567.890 | 9,26 |
|  | Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.234.567.890 | 570,67 | 541.397.786 | 12,27 |
|  | Phải thu khách hàng | 677.152.200 | 11,36 | 4.235.809.422 | 63,81 |
|  | Ứng trước người bán | 1.454.936.304 | 136,95 | (1.345.328.536) | (53,44) |
|  | Các khoản phải thu khác | (1.075.001.800) | (86,69) | 3.160.320.000 | 1.915,35 |
|  | Hàng tồn kho | 461.950.160 | 9,83 | (4.843.231.028) | (93,84) |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 937.149.600 | 15,31 | 4.614.899.000 | 65,39 |
|  | Tài sản cố định | 937.149.600 | 15,31 | 4.614.899.000 | 65,39 |
|  | TỔNG TÀI SẢN | 6.209.363.484 | 31,45 | 6.363.866.644 | 24,52 |

Bảng 2.1. Tình hình tài sản của Công ty Cổ phần Kinh Đô 2009 – 2011

(Nguồn: Bảng cân đối kế toán)

Đồ thị 2.1. Tỉ trọng tài sản của Công ty Cổ phần Kinh Đô

1. Tình hình doanh thu và lợi nhuận

Đồ thị 2.2. Xu hướng hiệu quả kinh doanh của Công ty

Qua những phân tích ở trên có thế thấy các tỷ suất lợi nhuận của Công ty đều có xu hướng giảm dần so với trung bình.

1. Tình hình chi phí

(Đơn vị tính: %)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **Năm 2009** | **Năm 2010** | **Năm 2011** |
| 1. Doanh thu thuần | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 89,72 | 88,37 | 89,39 |
| 3. Chi phí tài chính | 0,46 | 1,87 | 3,04 |
| 4. Chi phí quản lí kinh doanh | 2,30 | 2,20 | 1,06 |

Bảng 2.2. Bảng tỉ trọng các loại chi phí so với doanh thu thuần

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh)

### Phân tích chỉ tiêu khả năng thanh toán

Trước tiên để có cái nhìn tổng quát về khả năng thanh toán của Công ty, ta sẽ xem xét về hệ số vốn luân chuyển.

(Đơn vị tính: VNĐ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **Năm 2009** | **Năm 2010** | **Năm 2011** |
| Tài sản ngắn hạn | 13.620.584.000 | 18.892.797.884 | 20.641.765.528 |
| Nợ ngắn hạn | 7.241.001.800 | 12.673.024.056 | 18.459.363.978 |
| Vốn luân chuyển | 6.379.582.200 | 6.219.773.828 | 2.182.401.550 |

Bảng 2.3. Vốn luân chuyển của Công ty CP ĐTXD Tiến Thành

### Phân tích chỉ tiêu khả năng quản lí tài sản

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **ĐVT** | **Năm 2009** | **Năm 2010** | **Năm 2011** |
| Doanh thu thuần | VNĐ | 40.305.350.000 | 47.153.713.000 | 57.121.169.300 |
| Tiền và chứng khoán ngắn hạn dễ bán | VNĐ | 657.680.350 | 4.410.857.370 | 4.952.255.156 |
| Vòng quay của tiền | vòng | 61,28 | 10,69 | 11,53 |

Bảng 2.4. Vòng quay tiền

Tiêu chí vòng quay của tiền sẽ cho thấy chính sách sử dụng cũng như quản lí tài sản của doanh nghiệp đã hợp lí hay chưa. Đi xem xét chỉ tiêu này ta thấy: Năm 2009, vòng quay tiền của Công ty là 61,28 vòng. Năm 2010, vòng quay tiền giảm xuống còn 10,69 vòng. Năm 2011, vòng quay tiền tăng lên thành 11,53 vòng.